**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**Trần Hồng Nhung**

**THIẾT CHẾ TỔ CHỨC, QUẢN LÍ VÀ TỆ NẠN CƯỜNG HÀO Ở LÀNG XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ THẾ KỈ XVIII-XIX**

**Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam**

**Mã số: 62 22 03 13**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ**

**Hà Nội - 2016**

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Vũ Văn Quân**

Giới thiệu 1: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .. . . . . . . . .

Giới thiệu 2: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .. . . . . . . . .

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp cơ sở chấm luận án tiến sĩ họp tại . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .. . . . . vào hồi giờ ngày tháng năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

**MỞ ĐẦU**

1. **Lý do chọn đề tài**

Làng xã Việt Nam có vai trò trọng yếu trong lịch sử dân tộc. Cho đến trước thời kì công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, Việt Nam vẫn là một nước nông nghiệp, văn hóa Việt Nam cổ truyền vẫn là văn hóa xóm làng, làng xã vẫn là đơn vị kinh tế-hành chính cơ sở của nhà nước… Những ảnh hưởng và di sản của làng xã truyền thống trên nhiều phương diện vẫn còn đậm nét. Có một thực tế là, từ thời kì Đổi mới, nhiều thiết chế làng xã cổ truyền đang có hiện tượng phục hồi như dòng họ, thôn xóm, hương ước... Sự phục hồi đó rõ ràng xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, là yếu tố khách quan không thể chối bỏ. Nhưng bên cạnh những giá trị tích cực, một số thiết chế lại bộc lộ những hạn chế, đôi khi trở thành lực cản cho sự phát triển của nông thôn mới hiện nay. Do đó, nghiên cứu về thiết chế tổ chức và quản lý làng xã ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XVIII-XIX không chỉ làm rõ sự vận hành và mối quan hệ giữa các thiết chế trong cộng đồng làng, làm sáng tỏ những đặc trưng trong cách thức tổ chức, quản lí làng xã cổ truyền mà còn góp phần nhận thức đúng đắn bản chất, di sản của các thiết chế, từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm có thể vận dụng cho công cuộc hiện đại hóa nông thôn ở nước ta.

Nghiên cứu về tệ nạn cường hào và những hệ lụy tiêu cực của nó trong hai thế kỉ XVIII-XIX cũng nhằm liên hệ và rút ra những bài học cho thực tiễn xây dựng nông thôn mới. Hiện nay, làng Việt Nam tuy đã thay đổi nhiều nhưng một số yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội của làng Việt cổ truyền vẫn được bảo lưu và tồn tại. Và như vậy, những căn nguyên sản sinh ra nạn cường hào trong quá khứ vẫn có điều kiện, cơ hội phát triển nếu không có sự kiểm soát chặt chẽ từ phía nhà nước.

Xuất phát từ những lí do trên, nghiên cứu về thiết chế tổ chức, quản lí làng xã ở đồng bằng Bắc Bộ và tệ nạn cường hào trong thế kỉ XVIII-XIX vừa có ý nghĩa khoa học vừa có ý nghĩa thực tiễn cao góp phần đưa tới những nhận thức đầy đủ hơn, toàn diện hơn về làng xã và xác lập cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách quản lí nông thôn mới hiện nay.

**2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Luận án nghiên cứu về các thiết chế tổ chức, quản lí làng Việt và tệ cường hào làng xã ở đồng bằng Bắc Bộ trong hai thế kỉ XVIII-XIX.

Luận án chọn khu vực đồng bằng Bắc Bộ làm phạm vi không gian nghiên cứu bởi lẽ trong lịch sử, đồng bằng Bắc Bộ luôn là vùng kinh tế trọng yếu của đất nước, là cái nôi của nền văn minh lúa nước Việt Nam, làng xã cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ cũng có lịch sử phát triển lâu đời, mang những đặc trưng tiêu biểu nhất của làng xã Việt Nam. Luận án giới hạn phạm vi thời gian trong hai thế kỉ XVIII-XIX (từ những năm 30 của thế kỉ XVIII đến năm 1884) bởi đây là hai thế kỉ khủng hoảng và suy vong của chế độ phong kiến Việt Nam. Tác động của điều kiện lịch sử đã in đậm dấu ấn lên thiết chế tổ chức, quản lí của làng xã. Đây cũng là những thế kỉ mà tệ nạn cường hào phát triển phổ biến và trầm trọng.

**3. Mục đích nghiên cứu**

*Thứ nhất*, tập trung làm rõ thiết chế tổ chức, quản lí của làng xã ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XVIII-XIX bao gồm cả thiết chế quan phương và phi quan phương; mối quan hệ và sự vận hành giữa các thiết chế để chỉ ra những đặc trưng trong cách thức quản lí làng xã truyền thống, khuynh hướng và quy luật vận động, biến đổi của làng xã đồng thời lí giải căn nguyên của sự vận động và biến đổi đó.

*Thứ hai*, nhận diện cường hào và tái hiện một cách khách quan thực trạng nạn cường hào làng xã ở đồng bằng Bắc Bộ trong hai thế kỉ XVIII-XIX cùng những tác động, hệ quả của nó đến đời sống chính trị, kinh tế, xã hội đồng thời đưa ra những kiến giải về căn nguyên sâu xa làm nảy sinh và phát triển mạnh mẽ tệ nạn này.

*Thứ ba*, từ kết quả nghiên cứu, luận án đề xuất một số quan điểm và giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả quản lí nông thôn mới, xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

4. **Nguồn tư liệu nghiên cứu**

Đây là đề tài có tính chất tổng hợp, do vậy, các nguồn tư liệu liên quan đến luận án tương đối phong phú, đa dạng. Các bộ sử biên niên, các bộ hội điển, điển chế, pháp luật cổ, các sách chuyên khảo và thể “chí”, hương ước, văn bia, địa bạ… trong hai thế kỉ XVIII-XIX đã được tập hợp, hệ thống hóa và khai thác một cách tối đa có thể. Luận án cũng kế thừa những thành tựu nghiên cứu từ trước đến nay của các tác giả trong nước và quốc tế được công bố dưới dạng sách, kỷ yếu, hội thảo khoa học, bài tạp chí chuyên ngành và các luận văn, luận án, đề tài khoa học các cấp.

**5. Hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

Luận án thuộc lĩnh vực sử học, hướng tiếp cận do vậy chủ yếu dưới góc độ khoa học lịch sử. Bên cạnh đó, do nội dung và tính chất của đề tài liên quan đến nhiều ngành khoa học khác như chính trị học, hành chính học, luật học, kinh tế học…nên luận án còn tiếp cận vấn đề theo hướng đa ngành và liên ngành.

Phương pháp luận nghiên cứu trong luận án là chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Luận án cũng vận dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau như phương pháp thu thập, phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp mô tả lịch sử, phương pháp hệ thống- cấu trúc, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích định lượng…

**6. Đóng góp của luận án**

*Thứ nhất*, luận án khảo cứu một cách có hệ thống về các thiết chế tổ chức, quản lý; sự vận hành và quan hệ giữa các thiết chế trong cộng đồng làng xã thế kỉ XVIII-XIX, chỉ ra những thành tựu và hạn chế, lí giải nguyên nhân từ đó rút ra những bài học lịch sử mang ý nghĩa thực tiễn.

*Thứ hai*, luận án nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện, đưa ra cách tiếp cận mới về tệ cường hào làng xã trong hai thế kỉ XVIII-XIX: nhận diện và chỉ rõ bản chất của tệ cường hào; khắc họa bức tranh nạn cường hào trên các lĩnh vực cùng các tác động, hệ quả của nó đối với đời sống chính trị, kinh tế, xã hội từ đó kiến giải đa chiều những căn nguyên sản sinh ra tệ nạn này dưới các góc độ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

*Thứ ba*, từ những so sánh, liên hệ giữa làng xã Việt Nam truyền thống và hiện đại, luận án đã đúc kết một số bài học kinh nghiệm góp phần xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh hiện nay.

7. **Cấu trúc luận án**

Nội dung chính của luận án được triển khai thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

Chương 2: Bối cảnh làng xã vùng đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XVIII- XIX

Chương 3: Thiết chế tổ chức, quản lí ở làng xã đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XVIII-XIX

Chương 4: Nạn cường hào ở làng xã vùng đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XVIII-XIX- thực trạng, nguyên nhân và hệ quả.

CHƯƠNG 1

**TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

* 1. **Một số vấn đề lí luận về thiết chế tổ chức, quản lí và nạn cường hào ở làng xã đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XVIII-XIX**
     1. ***Khái niệm thiết chế tổ chức, quản lí***

Thiết chế tổ chức, quản lý làng xã được hiểu là tổng thể các quy định gồm cả luật pháp và tục lệ về cơ cấu tổ chức và sự vận hành của tổ chức làng xã cùng với những công cụ quản lý của nó.

* + 1. ***Khái niệm làng xã và tiến trình lịch sử của làng Việt từ cội nguồn đến trước thế kỉ XVIII.***

Làng là từ Nôm, chỉ đơn vị tụ cư truyền thống của người Việt, còn “xã” chỉ đơn vị hành chính cấp cơ sở của nhà nước. Trên vùng đồng bằng Bắc Bộ, xã có thể bao gồm từ một đến nhiều làng. Được tích hợp vào một xã, làng trở thành yếu tố cấu thành của một đơn vị hành chính và khi đó sẽ mang tên “thôn”. “Làng xã” như vậy được hiểu là một đơn vị tụ cư, đơn vị kinh tế, đơn vị tín ngưỡng và sinh hoạt văn hoá cộng đồng, đơn vị hành chính cấp cơ sở.

Trong lịch sử, từ một đơn vị tụ cư truyền thống, các công xã nông thôn của người Việt đã dần bị phong kiến hóa trở thành các đơn vị hành chính cơ sở của chính quyền phong kiến với các tên gọi như xã, thôn, phường, trại, giáp, trang, vạn, động, sách… nhưng hai từ được dùng nhiều nhất là thôn và đặc biệt là xã (hơn 90%). Trước thế kỉ XV, làng xã vẫn có một quyền tự trị tương đối rộng, nhà nước hầu như ít can thiệp vào công việc nội bộ của làng xã. Sau thế kỉ XV, dặc biệt từ cải cách của Lê Thánh Tông, những đơn vị làng xã tương đối tự trị trước đây trở thành đơn vị kinh tế- hành chính phụ thuộc nhà nước. Từ thế kỉ XVI, trước những biến động chính trị của đất nước, mô hình làng xã truyền thống xác lập dưới thời kì Lê Thánh Tông dần giải thể. Làng xã trở nên ngày càng khó kiểm soát và đầy bất ổn. Nhu cầu ổn định lại trật tự làng xã, thiết lập sự quản lý chặt chẽ hơn đối với bộ máy hành chính cơ sở do đó càng đặt ra bức thiết hơn cho các triều đại cầm quyền trong hai thế kỉ XVIII-XIX.

* + 1. ***Khái niệm cường hào***

Nhiều học giả cho rằng cường hào là sự tha hóa quyền lực của bộ phận chức dịch trong bộ máy chính quyền cấp xã. Theo chúng tôi, qua khảo sát tư liệu thế kỉ XVIII-XIX cho thấy, cường hào không hẳn là những người nắm quyền chính trị trong làng xã mà thực chất đó là những địa chủ có thế lực kinh tế lớn mạnh trong làng xã bằng sức mạnh kinh tế, chi phối, đứng sau điều khiển bộ máy quản lí làng, biến bộ máy đó trở thành công cụ để bóc lột người nông dân và lừa dối chính quyền cấp trên gây nên muôn vàn tệ hại ở thôn quê.

* + 1. ***Mối quan hệ giữa thiết chế tổ chức, quản lí và nạn cường hào làng xã***

Nạn cường hào có mối liên hệ mật thiết với thiết chế tổ chức, quản lí làng xã. Thiết chế tổ chức làng xã với đặc trưng là tính tự trị, tự quản, ở khía cạnh tiêu cực, đã tạo ra môi trường thuận lợi cho tệ cường hào. Ngược lại, tệ cường hào lại góp phần gia cố, làm chặt chẽ hơn những thiết chế tổ chức làng xã, khiến nó ngày càng phức tạp và trở thành công cụ “chuyên chế” trói buộc người nông dân vào vòng xiềng xích của các tập tục lạc hậu. Khi chính quyền nhà nước trung ương buông lỏng và bất cập trong chính sách quản lí làng xã thì lúc đó tệ cường hào càng có mảnh đất màu mỡ để mặc sức hoành hành.

* 1. **Lịch sử nghiên cứu vấn đề**
     1. **Khái quát tình hình nghiên cứu về làng xã**

Lịch sử nghiên cứu làng xã Việt Nam nhất là trong mấy chục năm gần đây đã có rất nhiều thành tựu cung cấp thêm nhiều tư liệu mới, đưa ra nhiều nhận định mới, nâng cao nhận thức về thực thể làng xã và xã hội Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.

* + 1. **Tình hình nghiên cứu về thiết chế tổ chức, quản lí của làng xã đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XVIII-XIX**

Các công trình nghiên cứu đã góp phần chỉ ra mô hình tổ chức làng xã, đặc trưng trong cách thức quản lí làng xã truyền thống, những hạn chế và giá trị cùng ảnh hưởng của nó đối với hệ thống chính trị hiện nay. Một số bài học kinh nghiệm trong quản lí nông thôn cũng đã được các học giả đúc rút.

* + 1. **Tình hình nghiên cứu về nạn cường hào làng xã**

Nạn cường hào làng xã thời phong kiến đã được nghiên cứu bởi một số tác giả nhưng thường tản mạn, không tập trung. Đã xuất hiện một số công trình khảo cứu riêng về nạn cường hào thời phong kiến và nạn cường hào trong một số giai đoạn lịch sử.

**1.2.4.** **Những thành tựu đạt được trong nghiên cứu và những vấn đề đặt ra**

Đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu về làng xã trên các phương diện, trong đó không ít các nghiên cứu về thiết chế tổ chức làng Việt cung cấp cách nhìn nhiều chiều và toàn diện hơn về làng xã. Tuy nhiên, vẫn còn những vấn đề trong nghiên cứu làng xã đang còn tranh luận và tiếp tục cần làm rõ như: sự vận động của làng xã trong tiến trình lịch sử; mối quan hệ nhà nước – làng xã trong những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của từng giai đoạn; tính độc lập, tự trị của làng xã biến đổi như thế nào theo thời gian... Nghiên cứu về thiết chế tổ chức, quản lí và nạn cường hào làng xã trong hai thế kỉ XVIII-XIX sẽ góp phần làm sáng tỏ hơn những vấn đề nêu trên. Nạn cường hào làng xã cũng cần nhìn nhận một cách khách quan, đa chiều và hệ thống hơn góp phần lí giải rõ ràng hơn những vấn đề thực tiễn của nông thôn đương đại.

***Tiểu kết chương 1***

Tóm lại, nghiên cứu về làng xã Việt Nam nói chung và thiết chế tổ chức, quản lý của làng xã cùng tệ nạn cường hào nói riêng đã dành được nhiều sự quan tâm của học giả trong và ngoài nước. Tuy nhiên vẫn còn một số nội dung chưa được đi sâu nghiên cứu và kiến giải cặn kẽ như: kết cấu quyền lực, sự vận hành và mối quan hệ của các thiết chế tổ chức, quản lí ở làng xã đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XVIII-XIX; nhận diện bản chất của tệ cường hào và nguyên nhân của nạn cường hào trong hai thế kỉ XVIII-XIX; những ảnh hưởng, tác động của các thiết chế làng truyền thống…

CHƯƠNG 2

**BỐI CẢNH LÀNG XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ THẾ KỈ XVIII-XIX**

**2.1. Khái lược bối cảnh lịch sử thế kỉ XVIII-XIX**

**2.1.1. Bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng ở Việt Nam thế kỉ XVIII**

**2.1.2. Bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng ở Việt Nam thế kỉ XIX**

Thế kỉ XVIII-XIX, chế độ phong kiến Việt Nam bước vào giai đoạn khủng hoảng sâu sắc và toàn diện với rất nhiều mâu thuẫn. Giống như các nước phương Đông khác, quá trình tan rã của chế độ phong kiến ở Việt Nam không đồng thời với quá trình nảy sinh của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời của các nhà nước tư sản. Các nhân tố mới không đưa đến sự hình thành một phương thức sản xuất mới, một chế độ xã hội mới giống như ở phương Tây mà vẫn nằm trong phương thức sản xuất phong kiến và bị phương thức sản xuất phong kiến đồng hóa trở lại. Xã hội Việt Nam thế kỉ XVIII-XIX quan hệ sản xuất phong kiến vẫn là quan hệ thống trị, hai giai cấp địa chủ phong kiến và nông dân vẫn là hai giai cấp cơ bản.

**2.2. Những thay đổi trong cơ sở kinh tế, xã hội, tư tưởng của làng xã vùng đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XVIII-XIX**

***2.2.1. Cơ sở kinh tế***

Sở hữu làng xã vẫn tồn tại hai bộ phận: sở hữu công (bao gồm hai loại: ruộng thuộc sở hữu nhà nước do làng xã quản lí và ruộng thuộc sở hữu chung của làng xã) và sở hữu tư trong đó xu hướng tư hữu hóa đặc biệt phát triển trong thế kỉ XVIII và đến thế kỉ XIX, sở hữu tư đã chiếm ưu thế hoàn toàn. Sách Sĩ hoạn tu tri lục của Nguyễn Công Tiệp cho biết vào đầu thế kỷ XIX, tổng diện tích ruộng đất công tư của cả nước là 3.396.584 mẫu, trong đó ruộng tư chiếm 83% (2.816.221 mẫu), ruộng công các loại chiếm 17% (580.363 mẫu). Trong sở hữu tư nhân, tuy mức độ ở từng miền, từng địa phương cụ thể khác nhau, song về đại thể sở hữu địa chủ đã mở rộng và chi phối các quan hệ ruộng đất.

***2.2.2. Cơ sở xã hội***

Phân hóa xã hội trong làng xã Việt Nam thế kỉ XVIII-XIX đã khá sâu sắc. Giai cấp địa chủ nhiều về số lượng và thế lực kinh tế lớn mạnh đã chi phối các quan hệ xã hội ở nông thôn. Người nông dân bị bần cùng hóa, trở thành người phiêu dạt nay đây mai đó mà không ít trong số họ bị hút vào các cuộc khởi nghĩa nông dân chống lại triều đình. Xiêu tán và khởi nghĩa là hai hiện tượng phổ biến trong thế kỉ XVIII-XIX.

***2.2.3. Cơ sở tư tưởng.***

Những biến đổi về kinh tế- xã hội và đời sống chính trị đưa tới những chuyển biến trong đời sống tư tưởng và văn hóa. Cùng với xu hướng tăng cường hành chính hóa bộ máy chính quyền làng xã, tư tưởng Nho giáo tiếp tục được thâm nhập sâu vào làng xã. Các chuẩn mực giá trị bắt đầu bị chi phối bởi quan hệ hàng hóa tiền tệ. Đây còn là giai đoạn phục hưng của Phật giáo, Đạo giáo và nhiều loại hình tín ngưỡng dân gian.

**2.3. Khái quát về đơn vị hành chính cơ sở ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XVIII-XIX**

***2.3.1. Đơn vị hành chính cơ sở ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XVIII.***

Đầu thế kỉ XVIII, đồng bằng Bắc Bộ, về cơ bản, tương đương với khu vực Thăng Long tứ trấn có tổng cộng: 4932 xã, 150 thôn, 101 trang, 31 châu, 36 phường, 4 sách. Như vậy, xã vẫn là đơn vị hành chính cơ sở chủ yếu. Về quy mô: Nhà nước phân chia xã thành các loại: xã lớn, xã vừa và xã nhỏ. Theo *Lịch triều tạp kỉ*, xã lớn có 200 suất đinh trở lên, xã vừa có 100 suất đinh trở lên, xã nhỏ có 100 suất đinh trở xuống. Như vậy, quy mô làng xã thời Lê Trung Hưng không lớn mà nhỏ hơn khá nhiều so với thời Lê sơ.

***2.3.2. Đơn vị hành chính cơ sở ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XIX.***

Đến thế kỉ XIX, dưới thời vua Gia Long, vùng đồng bằng Bắc Bộ thời kì này cũng gần như tương ứng với khu vực của 5 nội trấn và phủ Hoài Đức. Thống kê trong sách “*Tên làng xã Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)”*, ở đồng bằng Bắc Bộ, có 5 trấn, xứ, 23 phủ, 98 huyện, 851 tổng, 6753 xã, thôn, phường, trại, giáp, trang, vạn, sở… Xã vẫn là đơn vị hành chính cấp cơ sở nhiều nhất (xã chiếm hơn 86,49%) (ở Nam Bộ, cấp thôn lại là đơn vị hành chính cơ sở chủ yếu chiếm 90,16% trong tổng số các đơn vị hành chính cơ sở.

Từ sau cải cách của Minh Mệnh, đơn vị hành chính địa phương được tổ chức lại. Khảo sát *Đại Nam nhất thống chí*, *Đồng Khánh dư địa chí*, xã vẫn là đơn vị hành chính cơ sở chủ yếu và chiếm số lượng lớn nhất. Quy mô của các làng đến thế kỉ XIX giảm sút nhiều.Tuy nhiên, kết cấu các làng ở đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu vẫn là các làng “nhất xã nhất thôn”.

***Tiểu kết chương 2***

Thế kỉ XVIII-XIX, làng xã cổ truyền vùng đồng bằng Bắc Bộ, trước các tác động của điều kiện lịch sử, đã có những chuyển biến nhất định. Trên phương diện kinh tế- xã hội, chế độ tư hữu đã bao trùm, sở hữu địa chủ chi phối các quan hệ ruộng đất. Tầng lớp phú hào nhiều về mặt số lượng đã lũng đoạn các quan hệ xã hội ở nông thôn. Thực trạng nông thôn ở đồng bằng Bắc Bộ như vậy đã không còn thuần nhất nữa. Tình hình kinh tế- xã hội đó đã tác động mạnh mẽ và in dấu ấn lên các thiết chế tổ chức, quản lí của làng xã ở đồng bằng Bắc Bộ.

Để ổn định lại trật tự làng xã, nhà nước phong kiến đã thi hành hàng loạt các biện pháp kinh tế- xã hội. Trên một chừng mực nào đó, một số chính sách cũng đạt được thành công nhất định nhất là trong những năm đầu của thế kỉ XIX. Tuy nhiên, nhìn chung các biện pháp mang nặng tính áp chế hành chính đã động chạm trực tiếp đến tầng lớp phú hào- những người có thế lực nhất ở làng quê. Để bảo vệ cho lợi ích kinh tế của mình, địa chủ, phú hào đã phản ứng lại bằng cách biến làng xã thành bầu trời riêng của mình. Đây là cơ sở làm bùng phát nạn cường hào với quy mô và mức độ nghiêm trọng trong thế kỉ XVIII và tiếp tục tiếp diễn trong thế kỉ XIX sau đó.

CHƯƠNG 3

**THIẾT CHẾ TỔ CHỨC, QUẢN LÍ Ở LÀNG XÃ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ THẾ KỈ XVIII-XIX.**

**3.1. Bộ máy quản lí làng xã.**

***3.1.1. Cơ cấu tổ chức.***

Tổ chức quyền lực ở làng xã đồng bằng Bắc Bộ bao gồm hai thiết chế: thiết chế hành chính và thiết chế tự trị có sự phân định rõ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đồng thời liên hệ với nhau một cách mật thiết và chặt chẽ. Thiết chế tự trị (thế kỉ XVIII gọi là hội đồng sắc mục, thế kỉ XIX gọi là hội đồng kì mục) có trước, có quyền quyết định các công việc quan trọng trong làng xã. Thiết chế hành chính có sau do kết quả của quá trình biến các làng xã thành đơn vị hành chính cơ sở của nhà nước phong kiến, đại diện cho làng xã trong quan hệ với chính quyền trung ương song phải chấp hành và thực thi các quyết định của hội đồng sắc mục làng xã.

Về cơ cấu tổ chức, bộ máy chức dịch bao gồm các thành phần sau: xã, lí trưởng, phó lý, hương trưởng, xã tuần…Bộ phận sắc mục, theo văn bia làng Nành (xã Phù Ninh), bao gồm các vị quan viên, hương lão, tư văn… Số lượng lên đến 81 vị. Đến thế kỉ XIX, bộ phận sắc mục được gọi là hội đồng kì mục. Đứng đầu Hội đồng kỳ mục là Tiên chỉ, có Thứ chỉ trợ giúp. Số lượng, cách thức lựa chọn các thành viên trong hội đồng kì mục do mỗi làng quy định.

Về chức năng, nhiệm vụ: nếu như thế kỉ XVIII, tư liệu lịch sử chưa cho biết rõ nhiệm vụ cụ thể của từng xã trưởng trong một xã ra sao thì đến thế kỉ XIX, nhiều văn bản của nhà nước đã quy định rất rõ chức trách của lí trưởng- người đứng đầu cấp xã. Triều Nguyễn là triều đại có nhiều văn bản nhất quy định về lí trưởng (*Đại Nam thực lục* có 226 lần nhắc đến lí trưởng với 72 văn bản quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chức trách, khảo công… lí trưởng) cho thấy sự chú trọng và nỗ lực của nhà Nguyễn trong việc quản lí bộ máy hành chính cấp xã.

Về quyền hạn: các lý dịch không bao giờ nắm được quyền quyết định mọi công việc trong làng, quyền này nằm trong tay các tiên chỉ, thứ chỉ, các kỳ mục và bô lão của làng.

Về vị trí, trong sự sắp xếp ngôi thứ tại làng, các lý dịch chỉ được xếp hàng thứ ba, thứ tư. Vị trí tương đối thấp của lý dịch, trong bộ máy quyền lực ở cấp xã được cụ thể hóa bởi chỗ ngồi trong đình mà chính quyền quân chủ chính thức định cho họ.

Để hiểu rõ vai trò, vị trí của tầng lớp quan viên, chức dịch trong làng xã cũng cần dựa vào quan hệ sở hữu ruộng đất của họ. Khảo sát gần 300 tập địa bạ của hai tỉnh Hà Đông (cũ) và Thái Bình vào thời điểm 1805 cho thấy 33% chức dịch không có ruộng đất. Điều này cho thấy, tầng lớp địa chủ đã hạn chế tham gia vào bộ máy quản lí làng xã ở cả hai bộ phận đặc biệt là bộ phận hành chính. Địa chủ không trực tiếp nắm bộ máy quản lí làng xã mà đóng vai trò là kẻ đứng sau bộ máy đó để thao túng, chi phối hoặc đưa con cháu, họ hàng vào bộ máy để dễ điều khiển.

***3.1.2. Hương ước- công cụ quản lí.***

Những tư liệu dân tộc học cho biết từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX không phải số hương ước ngày càng bớt đi, mà trái lại hương ước dần dần nhiều thêm thể hiện tính tự trị của làng xã không giảm bớt mà lại tăng dần trong chế độ phong kiến. Bộ máy quản lí thông qua hương ước tác động đến từng tổ chức, từng thành viên trong làng xã, tạo nên sợi dây vô hình trói buộc người nông dân trong các khuôn khổ của làng xã. Những khoản đóng góp nặng nề, các lễ nghi cúng bái phiền phức, hình thức ăn uống linh đình thực chất là trả nợ miệng được ghi cụ thể trong hương ước, trên thực tế đã làm nhiều người dân khuynh gia bại sản. Đội ngũ cường hào đã thông qua hương ước gia cố thêm tính tự trị, tự quản làng xã nhờ đó mặc sức lũng đoạn, bóc lột người nông dân.

**3.2. Các dạng thức liên kết xã hội ở làng xã**

***3.2.1. Tập hợp người theo địa vực: Ngõ, Xóm.***

***3.2.2. Tập hợp người theo huyết thống: Họ.***

***3.2.3. Tập hợp người theo lớp tuổi: Giáp***

***3.2.4. Tập hợp người trong những tổ chức dựa trên sở thích và sự tự nguyện: Phe, Hội, Phường.***

Các dạng thức tổ chức cộng đồng mang tính chất tự quản nêu trên càng về sau xuất hiện ngày càng nhiều. Nguyên nhân do sự gia tăng của dân số, sự phát triển của kinh tế làm cho các quan hệ làng xã phức tạp hơn.

***Tiểu kết chương 3***

Đến thế kỉ XIX, tổ chức làng xã đã trở nên rất phức tạp, nảy sinh hàng loạt các hình thức kết hợp cộng đồng nhỏ bên trong làng xã, cùng tồn tại, đan xen nhau, xác lập trên cơ sở của rất nhiều quan hệ. Các tổ chức này một mặt đã làm phức tạp, tỷ mỷ thêm trật tự hệ thống ngôi thứ của làng, mặt khác làm tăng thêm sự ràng buộc của các thành viên đối với các làng xã. Tính tự trị, tự quản của làng xã cũng ngày một tăng cường hơn. Cơ cấu tổ chức, quản lí đó đã tạo mảnh đất dung dưỡng và sản sinh nạn cường hào và ngược lại, cường hào tìm cách củng cố thêm chế độ tự trị, tự quản làng xã, lợi dụng các thiết chế để tăng cường áp bức người nông dân trong từng lũy tre xanh.

CHƯƠNG 4

**NẠN CƯỜNG HÀO Ở LÀNG XÃ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ THẾ KỈ XVIII-XIX- THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ HỆ QUẢ.**

**4.1. Thực trạng của nạn cường hào ở làng xã đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XVIII-XIX.**

***4.1.1. Thành phần cường hào***

Tư liệu lịch sử trong thế kỉ XVIII-XIX khi nhắc đến nạn cường hào đã chỉ ra cụ thể những “nhân vật” sau: hương hào, lý dịch, tổng lý, xã trưởng, lý trưởng, kỳ mục, những nhà quyền quý thế lực... Cường hào không trực tiếp nắm quyền lực trong cơ cấu tổ chức bộ máy làng xã nhưng đóng vai trò là kẻ ném đá giấu tay, thông qua bộ phận có quyền để chi phối việc làng.

***4.2.2.*** ***Biểu hiện của nạn cường hào***

Tư liệu lịch sử trong hai thế kỉ XVIII-XIX tương đối phong phú đặc biệt là trong thế kỉ XIX đã cho phép phác dựng những biểu hiện cụ thể của nạn cường hào làng xã trên các lĩnh vực. Nếu như thế kỉ XVIII, nạn cường hào được nhắc đến khá tản mạn trong các tư liệu thì đến thế kỉ XIX, chỉ riêng trong *Đại Nam thực lục*, tư liệu chính sử lớn nhất thời Nguyễn, thống kê từ năm 1802 đến 1884 đã có 79 lần nhắc đến nạn cường hào trong đó đậm đặc nhất ở Bắc kì với 60/79 lần, chiếm 76%.

*Trên lĩnh vực ruộng đất*, hành vi phổ biến của cường hào là chiếm công vi tư, mua bán công điền, ẩn lậu ruộng đất… *Trên lĩnh vực thuế khóa*, cường hào câu kết với bộ phận lý dịch ẩn lậu thuế, nộp chậm, thiếu, thu thuế khống… *Trên lĩnh vực tư pháp*, cường hào ức hiếp kẻ dưới, vu khống, thêu dệt, tự ý bắt người tra khảo…*Trên lĩnh vực an ninh trật tự*, cường hào tụ tập bè đảng, chiêu mộ binh sĩ để tạo uy thế, chèn ép người dân cùng khổ chốn thôn quê. Một số các biểu hiện khác của cường hào như: ẩn lậu suất đinh, lấy tiền của toàn xã để chi tiêu việc riêng, bắt dân đóng khống các khoản chi tiêu cho đình đám, lễ nghi trái với quy định của nhà nước…

**4.2. Nguyên nhân của tệ nạn cường hào ở làng xã đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XVIII-XIX.**

Nguyên nhân sản sinh ra nạn cường hào được tạo nên từ nhiều chiều kích: gốc gác kinh tế, tác nhân chính trị, môi trường xã hội, không gian văn hóa, di tồn lịch sử.

***4.2.1. Nguyên nhân kinh tế***

Thiết chế tư hữu yếu, không rành mạch tạo ra những kẽ hở để địa chủ lợi dụng biến công vi tư, chiếm đoạt ruộng đất. Thêm vào đó, chính sách tô thuế, binh dịch, lao dịch của nhà nước cũng tạo cơ hội cho tầng lớp cường hào lợi dụng để bóp nặn người nông dân hoặc tìm cách lẩn tránh thuế dịch với nhà nước.

***4.2.2. Nguyên nhân chính trị***

Thiết chế chính trị xây dựng dựa trên cơ sở độc tôn Nho giáo đến thế kỉ XVIII-XIX đã bộc lộ tính chất thiếu dân chủ, mang nặng tính chuyên chế, cực đoan. Thiết chế đó được áp đặt lên làng xã khiến cho bộ máy quản lí được xác lập với một sự toàn quyền như một “tiểu triều đình” tạo nên uy quyền tuyệt đối của làng với các thành viên. Bằng các thiết chế tổ chức, bằng hương ước, pháp luật và các quan niệm cộng đồng về đạo đức và tín ngưỡng đã trói buộc người nông dân phải “ăn chịu đóng góp” với làng, tuân thủ các lệ tục của làng.

Nạn cường hào còn là hệ quả trực tiếp của chính sách quản lí làng xã kém hiệu quả của nhà nước phong kiến trong hai thế kỉ XVIII-XIX.

***4.2.3. Nguyên nhân xã hội***

Sự phức tạp của cơ cấu tổ chức làng xã và những phong tục tập quán phiền phức của nó vừa là gánh nặng của nông dân, vừa tạo điều kiện cho tầng lớp hào cường lợi dụng tăng cường áp bức họ. Sự hình thành hàng loạt các hình thức kết hợp cộng đồng nhỏ bên trong làng xã mà hoạt động mua danh, mua vị gắn liền với việc tổ chức ăn uống "khao vọng" linh đình dẫn đến thực tế nhiều gia đình khuynh gia bại sản chỉ để trả nợ miệng. Tầng lớp hào cường đóng vai trò là kẻ đầu têu những tệ nạn này. Chúng không phá hoại các thiết chế làng xã mà góp phần làm cho các thiết chế xã hội đó ngày càng chặt chẽ và phức tạp hơn.

***4.2.4. Nguyên nhân văn hóa***

Truyền thống tự trị, tự quản làm cho người nông dân có thói quen hành xử theo tục lệ mà không quen với việc chấp hành pháp luật của trung ương. Họ ít có điều kiện tiếp xúc với pháp luật nhà nước do vậy thiếu hiểu biết về pháp luật và cũng thiếu “dũng khí” pháp luật dẫn đến một mặt là họ dễ vi phạm pháp luật mặt khác họ luôn bị chèn ép, không có khả năng sử dụng pháp luật để bảo vệ mình. Thành thử cường hào càng có cơ hội lộng hành ngang ngược.

Tư tưởng địa vị ngôi thứ biến “khao vọng” từ một phong tục trở thành hủ tục, là gánh nặng cho các thành viên làng xã. Lễ khao tùy theo vị trí cao thấp nhưng nhìn chung rất tốn kém. Nhiều người sau khi làm lễ khao thành “khuynh gia bại sản” (“được chỗ ngồi trôi chỗ ở”), không ít người phải cầu thực tha hương.

Tính cộng đồng cao- một đặc tính của văn hóa làng truyền thống làm cho cá nhân trở nên nhỏ bé, phải khuất phục cộng đồng, tuân theo cộng đồng. Một sự chống đối lại cộng đồng làng xã sẽ phải chịu sức ép dư luận và những hình phạt đánh trực tiếp vào lợi ích vật chất và tinh thần của thành viên làng xã. Đội ngũ cường hào dựa vào tâm lí đó để ức hiếp người cùng khổ.

***4.2.5. Nguyên nhân lịch sử***

Nạn cường hào làng xã thế kỉ XVIII-XIX là sự tiếp nối của nạn cường hào từ nhiều thế kỉ trước đó.

4.3. **Hệ quả của nạn cường hào làng xã thế kỉ XVIII-XIX**

Luận án tập trung phân tích những tác động, hệ quả của tệ cường hào đến hai đối tượng chủ yếu là người dân và nhà nước bởi lẽ bản chất của tệ cường hào như đã chỉ ra là những hành vi lợi dụng danh nghĩa nhà nước và làng xã để dối trên gạt dưới hòng chiếm lợi riêng.

***Tiểu kết chương 4***

Cường hào thực chất là những người có uy thế hùng mạnh trong làng xã dùng sức mạnh để áp chế người nông dân nghèo khổ. Đó không hẳn là những người có quyền lực chính trị mà chủ yếu là tầng lớp phú hào với thế lực kinh tế lớn đứng sau điều khiển bộ máy chính quyền để chi phối đời sống làng xã. Nạn cường hào làng xã sản sinh từ thiết chế tư hữu ruộng đất lỏng lẻo, từ sự phức tạp của cơ cấu tổ chức làng Việt cổ truyền, từ sự bất lực của triều đình trong việc quản lý bộ máy xã thôn, từ những tác động của tư tưởng Nho giáo và từ những đặc tính văn hóa làng xã… Đến thế kỉ XVIII-XIX, làng xã đã vuột khỏi tay của chính quyền và bị nhào nặn, thao túng bởi địa chủ cường hào. Nhà nước thất bại trong việc trấn áp cường hào và quản lí thôn xã làm cho đất nước ngày càng suy yếu và rơi vào ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân.

**KẾT LUẬN**

1. Làng xã Việt Nam cổ truyền trong lịch sử không phải là một thực thể cô lập, bất biến, đóng kín. Trong mỗi thời kì lịch sử, những thay đổi của điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội, của các chính sách quản lí nhà nước đã ảnh hưởng và in đậm dấu ấn lên quá trình phát triển của làng xã. Thế kỉ XVIII-XIX là hai thế kỉ mà chế độ phong kiến Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng, bế tắc. Trong lòng xã hội phong kiến đang trên bước đường khủng hoảng, suy vong ấy đã xuất hiện những mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa với những biến chuyển nhất định trong các ngành nghề công thương nghiệp. Song những yếu tố đó chưa phát triển triệt để mà hết sức yếu ớt, chậm chạp và bị quan hệ sản xuất phong kiến kìm hãm, đồng hóa trở lại. Tình hình kinh tế- xã hội đó tác động mạnh mẽ đời sống làng xã trong hai thế kỉ đưa đến những chuyển biến nhất định song không đủ sức công phá để tạo thành mô hình làng xã mới. Nông thôn nước ta cho đến giữa thế kỉ XIX về căn bản vẫn là nông thôn phong kiến, quan hệ sản xuất phong kiến vẫn giữ địa vị thống trị.

Những vận động, biến đổi của đời sống kinh tế, xã hội kéo theo những thay đổi trong thiết chế tổ chức, quản lí làng xã. Mô hình làng xã truyền thống được xác lập từ thời kì của vua Lê Thánh Tông đã trở nên không còn phù hợp. Trước tình hình đó, nhà nước phong kiến thế kỉ XVIII-XIX đã tìm mọi cách duy trì và củng cố mô hình đó bằng nhiều biện pháp cực đoan và chuyên chế. Như một phản ứng tự vệ, làng xã đã co cụm lại, đề kháng trước những tấn công, áp chế của nhà nước. Mối quan hệ làng xã- nhà nước đến đây đã trở nên đối đầu, mâu thuẫn.

Thủ phạm tạo nên và làm gia tăng thêm những đối đầu của làng xã với nhà nước không đâu khác chính là cường hào. Đến thế kỉ XVIII-XIX, trong làng xã, sở hữu tư đã chiếm vai trò chủ đạo, tầng lớp phú hào chiếm số lượng đông đảo. Khi quyền lợi bị nhà nước xâm phạm, tầng lớp phú hào đã phản ứng quyết liệt với các chính sách của nhà nước tìm cách biến làng xã thành bầu trời riêng để mặc sức thao túng gây nên những hệ quả vô cùng nghiêm trọng, làm đời sống của người nông dân thêm khổ cực, điêu đứng.

2.Thiết chế tổ chức làng xã của người Việt đến thế kỉ XIX vẫn song hành tồn tại hai cơ cấu: các tổ chức quan phương và các tổ chức phi quan phương tạo nên sự kết hợp giữa hành chính và tự trị- một nét đặc sắc trong tổ chức, quản lí và kết cấu quyền lực ở nông thôn truyền thống vùng đồng bằng Bắc Bộ. Mỗi loại hình tổ chức khác nhau có cách vận hành riêng và chức năng riêng. Tuy nhiên, chúng không rời rạc mà thống nhất, phụ thuộc lẫn nhau rất chặt chẽ. Cường hào lợi dụng cả hai thiết chế trên để vừa chống lại chính quyền vừa áp bức, bóc lột người nông dân.

Với thiết chế hành chính, cường hào tuy không trực tiếp tham gia vào bộ máy chính quyền cơ sở nhưng đóng vai trò là kẻ đứng sau điều khiển bộ máy này thực hiện các hành vi như khai gian, ẩn giấu ruộng đất, dân đinh với nhà nước, đồng thời câu kết với đội ngũ nắm quyền lực trong làng xã mượn cớ việc làng tạo ra hàng loạt các khoản đóng góp, lễ nghi cũng là để ních đầy túi tham.

Với các thiết chế tự quản, cường hào đã gia cố, làm phức tạp, đa dạng hơn các tổ chức để biến các thiết chế đó thành công cụ nô dịch, áp bức người nông dân. Sự gia tăng về số lượng của hương ước, sự xuất hiện ngày càng nhiều hơn của các thiết chế tự quản trong làng xã là những minh chứng. Đến thế kỉ XIX, cộng đồng làng xã là một thực thể vô cùng phức tạp với sự chồng chéo, đan xen nhiều cộng đồng nhỏ bên trong làng xã dựa trên đa dạng các mối quan hệ đẳng cấp, giai cấp, huyết tộc.

Người nông dân bị trói buộc vào rất nhiều các quan hệ xã hội và tổ chức cộng đồng, phải tuân thủ một cách nghiêm ngặt các lệ tục mà làng xã đặt ra. Nhưng họ không nhận ra cái áp bức giai cấp “vô hình” ấy của địa chủ, cường hào. Các cuộc nổi dậy, khởi nghĩa của họ không nhằm tiêu diệt giai cấp địa chủ, thanh toán chế độ bóc lột tô của địa chủ mà nhằm đả kích vào bộ máy quan liêu hay giảm nhẹ chế độ bóc lột bằng thuế má và lao dịch của chính quyền quân chủ. Sự “không ra mặt” của đội ngũ cường hào cũng khiến cho những nhà cầm quyền mặc dù nhận thức được rõ tác hại nghiêm trọng của tệ nạn này song khó lòng phát hiện để trừng phạt. Thất bại của nhà nước phong kiến Trịnh- Nguyễn trong việc trấn áp tệ cường hào đã gây nên muôn vàn hệ quả nghiêm trọng. Nó trở thành “vấn nạn” của quốc gia trong hai thế kỉ XVIII-XIX, là một trong những nguyên nhân làm cho chính quyền suy yếu, không đủ sức chống đỡ trước thế lực ngoại xâm.

3. Những dấu ấn của thiết chế làng xã cổ truyền lên đời sống đất nước hôm nay có không ít những yếu tố tích cực. Tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực cánh sinh được nâng lên một chất lương mới giúp làng xã đứng vững và phát triển trong giai đoạn cam go nhất của cách mạng Việt Nam. Tinh thần đó đang huy động có hiệu quả mọi năng lực mang tính đặc thù của từng địa phương phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn hiện nay. Nếp sống dân chủ, thói quen tự quản lí mọi hoạt động của đời sống, thái độ tích cực thực hiện các nghĩa vụ xã hội đều đã phát huy trở thành những nhân tố thuận lợi để thực hiện tự quản và dân chủ ở cơ sở...

Tuy nhiên, thiết chế làng xã cổ truyền với những đặc tính cố hữu đang có những tác động tiêu cực, đó là: tư tưởng cục bộ, địa phương chủ nghĩa gây nên các hiện tượng tranh giành lợi ích giữa các làng, dân chủ quá đà gây nên tình trạng “chống trả” của các làng xã khi không được đáp ứng các lợi ích của địa phương; xây dựng hương ước ở một số nơi với những quy định mâu thuẫn với pháp luật; sự phục hồi của quan hệ dòng họ với những biểu hiện tiêu cực như móc ngoặc, nâng đỡ, bè phái phe cánh…

Điều lưu ý là việc nhận diện những giá trị tích cực và các mặt tiêu cực không đơn giản. Có những yếu tố là tiến bộ trong quá khứ nhưng chưa hẳn là cái cần được chắt lọc trong xã hội hiện nay, Trong khi đó có những khái niệm cũ, quan niệm cũ đang tồn tại nhưng ở đó không còn hoàn toàn là cũ mà đã có nhiều yếu tố mới hoặc đang vận hành đồng thời với cái mới và thúc đẩy cái mới phát triển. Vậy, xử lí như thế nào với những dấu ấn của thiết chế cổ truyền để có thể loại bỏ những tàn dư tiêu cực của nó nhưng lại không gây xáo trộn lớn trong thói quen nhận thức và ứng xử dẫn đến những phản ứng thái quá của các tầng lớp cư dân, đồng thời để các yếu tố tích cực có thể phát huy. Câu trả lời là cần kết hợp chặt chẽ giữa việc khắc phục những tàn dư tiêu cực với việc kế thừa những mặt tích cực coi đó là hai mặt đồng thời của quá trình, thiết kế các biện pháp tác động mềm dẻo, vừa đảm bảo tính chất điều tiết hướng dẫn vừa tính đến tính chất thích ứng, phù hợp, tránh chủ quan, áp đặt.

4. Có thể thấy rằng, tệ cường hào và những hệ lụy tiêu cực của nó không phải chỉ là câu chuyện của một, hai thế kỉ trong quá khứ. Ngày nay, trong công cuộc xây dựng đất nước, nó vẫn còn hiện hữu và trở thành lực cản cho sự phát triển của xã hội Việt Nam. Môi trường làng xã vẫn còn khắc in các tư tưởng tự trị, cục bộ; tư tưởng trọng lệ hơn trọng luật, tư tưởng tộc quyền, tư tưởng địa vị quan liêu vẫn tạo những cơ hội cho cái được gọi là “nạn cường hào mới” phát triển. Tình trạng thiếu dân chủ còn tồn tại ở nhiều nơi cũng là mảnh đất cho tham nhũng, cường hào. Đó là những hệ quả của quá khứ mà ngày nay cần khắc phục để xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh vì mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và ổn định chính trị chung của cả nước.

5. Từ những kinh nghiệm trong quá khứ xin nêu lên một số đề xuất, giải pháp góp phần xây dựng, quản lí hiệu quả hơn nông thôn mới ở nước ta như sau:

Trước hết, nhà nước nên chú ý đến thực thể kinh tế- xã hội của các làng xã đang luôn luôn biến động để điều chỉnh kịp thời các chính sách vĩ mô, các quan điểm và nhận thức về nông thôn mới, không nên áp đặt một cách duy ý chí những chính sách có tính chất mệnh lệnh, can thiệp quá sâu và đời sống của làng xã. Cần thiết phải tạo ra hành lang tự quản: cấp thôn- tương ứng đia bàn một làng cổ truyền hiện nay là đơn vị tự quản ở nông thôn, là địa bàn chủ yếu thực hiện quyền tự quản ở cơ sở còn hương ước là công cụ tự quản ở cơ sở nhưng trên thực tế vẫn xảy ra hiện tương tự quản một cách tự do, không nằm trong khuôn khổ pháp luật. Xu hướng chung là nên mở rông quyền tự quản bằng việc tăng cường vai trò của cấp thôn và hương ước song đó phải là tự quản có hướng dẫn, tự quản trong khuôn khổ pháp lí chứ không phải là một sự tự quản tự do hay tự quản bắt buộc như cách người nông dân quan niệm trước kia.

Thứ hai, cần mở rộng quá trình dân chủ hóa ở cơ sở bằng cách thực hiện triệt để quy chế dân chủ ở cơ sở tạo mọi điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền làm chủ, cải cách lại chế độ bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã để tránh tình hình thức, nên thay đổi cách thức thành lập Ủy ban nhân dân xã để dân trực tiếp bầu chức danh chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Thứ ba, coi trọng nhân tố con người trong công tác quản lí. Một người đứng đầu cấp cơ sở có uy tín trong dân chúng, có năng lực quản lý, điều hành và đạo đức trong sạch sẽ hỗ trợ nhà nước giải quyết các công việc cụ thể của làng xã đồng thời hạn chế nạn cường hào.

Thứ tư, chú ý đến việc xử lí mối quan hệ thân tộc trong quản lí làng xã. Một thực tế khách quan là nhiều mối quan hệ trong làng xã bị ràng buộc, chi phối bởi quan hệ huyết thống. Phần nhiều cường hào cũng từ các dòng họ đông, có thế lực nhất trong làng mà ra. Biết khai thác những mặt tích cực và khắc phục những hạn chế của quan hệ thân tộc cũng có thể góp phần quản lí nông thôn hiệu quả.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC**

**CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Trần Hồng Nhung (2011), “Các biện pháp trừng phạt tham nhũng thời Nguyễn (1802-1884)”, *Tạp chí* *Cảnh sát phòng chống tội phạm* (157), tr. 67-70.
2. Trần Hồng Nhung (2013), “Quá trình phát triển và hoàn thiện bộ máy hành chính cấp xã thời phong kiến (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX”, *Tạp chí* *Luật học* (10), tr. 27- 37.
3. Trần Hồng Nhung (2013), “Phòng chống tham nhũng thời Nguyễn và những kinh nghiệm lịch sử”, *Tạp chí* *Luật học* (3), tr. 36- 45.
4. Trần Hồng Nhung (2014), “Các biện pháp giám sát quan lại thời Nguyễn (1802-1884)”, *Tạp chí* *Luật học* (12), tr. 27- 38.
5. Trần Hồng Nhung (2015), “Trách nhiệm bồi thường của quan lại trong pháp luật phong kiến thời Nguyễn”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (323),* tr. 34- 42.
6. Trần Hồng Nhung (2016), “Bảo vệ trật tự, an ninh làng xã trong hương ước thế kỉ XVII- XIX và những giá trị kế thừa”, *Tạp chí* *Luật học* (5), tr. 41- 53.
7. Trần Hồng Nhung (2016), “Nạn cường hào ở làng xã đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XIX- thực trạng, nguyên nhân và hệ quả”, *Tạp chí* *Nghiên cứu lịch sử* (484), tr. 35- 49.
8. Trần Hồng Nhung (2016), “Thiết chế tổ chức, quản lí ở làng xã đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XIX và những bài học kinh nghiệm”, *Tạp chí* *Tổ chức bộ máy nhà nước* (8), tr.18- 23.